

Bản án số: 45/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST-DS ngày 13/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng N1 và PTNNVN “V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023). Ông V1 có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1983; anh Phạm Văn G, sinh năm

1980; cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi). (vắng mặt không lý do).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Đ*: Ông Nguyễn Chí K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F đường P, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn G*: Ông Bùi Phú V2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F đường P, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A) trình bày:

Ngày 19/02/2020, A đã ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV202000270 với bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G. Số tiền vay là 56.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu đồng chẵn), lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 19/02/2020, mục đích vay vốn là mua trâu.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 30/9/2025, dư nợ gốc còn lại là 46.000.000 đồng; nợ lãi là 14.350.240 đồng (toàn bộ là nợ lãi quá hạn). Tổng cộng bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G còn nợ A số tiền 60.350.240 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Khoản vay này được thực hiện theo chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn và không có tài sản bảo đảm, theo quy định tại Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ.

A Chi nhánh huyện B đã nhiều lần liên hệ, làm việc và yêu cầu bà Đ, ông G thanh toán số tiền nợ đến hạn. Tuy nhiên, mặc dù đã cam kết trong hợp đồng và trong các biên bản làm việc với Ngân hàng, nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, A buộc phải khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G liên đới thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 60.350.240 đồng, trong đó: Nợ gốc: 46.000.000 đồng; Nợ lãi: 14.350.240 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202000270, kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi cho A.

Ngoài ra, A đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G.

Ông Phạm Văn G có bản trình bày thừa nhận vợ chồng ông có ký kết hợp đồng tín dụng số 4509LAV202000270 ngày 19/02/2020 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, với số tiền vay là 56.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay như ngân hàng đã khởi kiện là đúng. Ông G xác nhận đến nay vẫn còn nợ Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi như phía nguyên đơn nêu. Lý do ông chưa trả được nợ là do thời gian qua gia đình gặp khó khăn, con bị ốm đau thường xuyên, việc làm ăn không thuận lợi, thu nhập không ổn định. Ông G mong Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình được gia hạn thời gian trả nợ. Sau khi có bản trình bày nêu trên, ông G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lý do, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi thêm ý kiến hoặc tài liệu chứng cứ nào khác.

Đối với bà Phạm Thị Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà vẫn vắng mặt, không gửi bản khai, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa, không có ý kiến hay tài liệu phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không có căn cứ ghi nhận lời trình bày của bà Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 4509LAV202000270 ngày 19/02/2020, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G đã vay A Chi nhánh huyện B số tiền 56.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2025, bị đơn còn nợ gốc 46.000.000 đồng, nợ lãi 14.350.240 đồng, tổng cộng 60.350.240 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

Buộc bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G liên đới trả cho A Chi nhánh huyện B tổng số tiền 60.350.240 đồng, trong đó nợ gốc 46.000.000 đồng, nợ lãi 14.350.240 đồng.

Buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Đ và ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng với A Chi nhánh B, bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G đã không trả nợ gốc và lãi đúng như thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến vi phạm hợp đồng. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế của bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G gặp nhiều khó khăn, thu nhập thấp. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N (A) – Chi nhánh huyện B với bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G. Quan hệ pháp luật này được điều chỉnh bởi các quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Ông Phạm Văn G có bản trình bày thừa nhận toàn bộ khoản vay và xác nhận nghĩa vụ nợ đúng như Ngân hàng khởi kiện, sau đó vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lý do. Bà Phạm Thị Đ cũng vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng nêu trên, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và bản trình bày của ông Phạm Văn G, có đủ cơ sở xác định: bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G đã vay của A Chi nhánh huyện B số tiền 56.000.000 đồng; trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, dẫn đến khoản vay bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2025, số tiền còn nợ là 60.350.240 đồng, trong đó nợ gốc 46.000.000 đồng, nợ lãi 14.350.240 đồng.

Lời thừa nhận của ông G là sự thừa nhận tình tiết khách quan, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc ông G trình bày lý do chậm trả nợ do khó khăn kinh tế, con ốm đau tuy là tình tiết khách quan nhưng không phải căn cứ làm phát sinh, thay đổi hay miễn trừ nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A buộc bị đơn phải liên đới thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên là có căn cứ, hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Các bên đã thỏa thuận lãi suất tại hợp đồng là 7,5%/năm, không trái quy định pháp luật. Vì vậy, kể từ ngày 01/10/2025, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp có giá ngạch là 5% của giá trị nghĩa vụ phải thực hiện. Giá trị nghĩa vụ trong vụ án này là 60.350.240 đồng, án phí là 3.017.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bà Đ và ông G phải liên đới chịu toàn bộ án phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A).

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G phải liên đới trả cho A số tiền 60.350.240 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 46.000.000 đồng; Nợ lãi: 14.350.240 đồng.

3. Kể từ ngày 01/10/2025, bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G còn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4509LAV202000270, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn G phải liên đới chịu 3.017.000 đồng (Ba triệu không trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho A thông qua người đại diện ông Nguyễn Thế V1 số tiền 1.405.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001618 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thỏa thuận, yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

